

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ S-TOOLS VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ S-TOOLS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: S -TOOLS VIET NAM TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109344175

3. Ngày thành lập: 16/09/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Vân Lũng , Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988783287

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn tổng hợp	4690
2.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
4.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; máy móc, thiết bị y tế; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	4659
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng và kim loại quý khác)	4662
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, nút chữ T, ống cao su - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	4663
15.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
16.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
17.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
18.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
19.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
20.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
21.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
23.	Bốc xếp hàng hóa	5224
24.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
25.	Cơ sở lưu trú khác	5590
26.	In ấn	1811
27.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
28.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
29.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
30.	Sản xuất thiết bị truyền thông (trừ thiết bị thu phát sóng);	2630
31.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710

32.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
33.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
34.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
35.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);	6619
36.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn, - Môi giới, - Sàn giao dịch và - Quản lý bất động sản	6820
37.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
38.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
39.	Quảng cáo	7310
40.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
41.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
42.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
43.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
44.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
45.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
46.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
47.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
48.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
50.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ - Dạy máy tính	8559
51.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
52.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
53.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

54.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
55.	Xuất bản phần mềm	5820
56.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
57.	Lập trình máy vi tính	6201
58.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202(Chính)
59.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
60.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
61.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
62.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
63.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
64.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
65.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
66.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
67.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
68.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
69.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
70.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
71.	Xây dựng nhà để ở	4101
72.	Xây dựng nhà không để ở	4102
73.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
74.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
75.	Xây dựng công trình điện	4221
76.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
77.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
78.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
79.	Xây dựng công trình thủy	4291
80.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
81.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
82.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
83.	Phá dỡ	4311
84.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
85.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 190.000

Thời gian đăng từ ngày 16/09/2020 đến ngày 16/10/2020

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN NHẬT MINH	Số 21 Đồng Xuân, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	57.000	570.000.000	30,000	036080007244	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	57.000	570.000.000	30,000		
2	NGUYỄN THỊ HÀ	Thôn Vân Lũng, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	76.000	760.000.000	40,000	017406799	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	76.000	760.000.000	40,000		

3	LƯƠNG XUÂN BIÊN	Thôn 21, Xã Hương Lạc, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	57.000	570.000.000	30,000	121762058	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	57.000	570.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/10/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017406799

Ngày cấp: 20/08/2012

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Vân Lũng, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Vân Lũng, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội